

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI KIM NQS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI KIM NQS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI KIM NQS PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110500809

3. Ngày thành lập: 09/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26B, ngách 22, ngõ 282 Kim Giang, tổ 23, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0817064197

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động của các đầu giá viên)	4610(Chính)
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649

15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu thô	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng) Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
24.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
25.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
26.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
27.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
28.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
29.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	2220
30.	Sản xuất sắt, thép, gang (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2410
31.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
32.	Đúc sắt, thép (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2431

33.	Đúc kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2432
34.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
35.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
36.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
37.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
38.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
39.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
40.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
43.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
44.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá)	4789
45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
46.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)	4799
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210

51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
54.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
55.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
65.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
66.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN MINH QUÝ	Việt Nam	Thôn Hữu Vu, Xã Đại Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	9.000.000.000	90,000	008093008932	
2	HỨA NGUYỄN THÚY NGÀ	Việt Nam	Tổ Bản Cau, Phường Huyền Tụng, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	1.000.000.000	10,000	006300001591	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1993

Dân tộc: Cao Lan

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008093008932

Ngày cấp: 12/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hữu Vu, Xã Đại Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hữu Vu, Xã Đại Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội